

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH KINH TẾ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 394 /QĐ-TĐHTPHCM ngày 25 tháng 06 năm 2020 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)*

Tp. Hồ Chí Minh, 2020

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 6 năm 2020

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ban hành kèm theo Quyết định số: 394/QĐ-TĐHTPHCM ngày 25 tháng 6 năm 2020. của
Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh

Tên chương trình: Chương trình đào tạo Đại học

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Kinh tế tài nguyên thiên nhiên Mã số: 7850102

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực Kinh tế cho ngành tài nguyên & môi trường và xã hội, có phẩm chất chính trị, lập trường tư tưởng, hiểu biết pháp luật và lý tưởng sống tốt đẹp, trên cơ sở được tranh bị nền tảng về đại cương, vững chắc về cơ sở ngành, chuyên sâu trong tổ chức nghiên cứu, quản lý và giải quyết các vấn đề chuyên môn, ứng dụng công nghệ thông tin trong chuyên ngành, có khả năng thích nghi với môi trường làm việc, đáp ứng yêu cầu của xã hội trong quá trình hội nhập quốc tế và có khả năng thích nghi với môi trường làm việc, đáp ứng yêu cầu của xã hội trong quá trình hội nhập quốc tế và có khả năng tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Chương trình đào tạo ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên trình độ Đại học nhằm trang bị cho sinh viên:

PO 1: Hệ thống kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và pháp luật đại cương phù hợp với ngành kinh tế tài nguyên thiên nhiên.

PO 2: Hệ thống các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên phù hợp với ngành kinh tế tài nguyên thiên nhiên.

PO 3: Kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành và thực hành nghề nghiệp vững chắc, chuyên sâu lĩnh vực về dự án kinh tế-xã hội, định giá-lượng giá, thẩm định các nguồn lực tài nguyên thiên nhiên và môi trường; triển khai thực hiện hệ thống chính

sách, thuế, phí, quản lý tài chính kế toán trong hoạt động các tổ chức doanh nghiệp nói chung và liên quan đến ngành tài nguyên môi trường nói riêng.

PO 4: Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh trong giao tiếp, học tập, nghiên cứu và làm việc. Kỹ năng sử dụng các phần mềm văn phòng và các phần mềm khác phù hợp với chuyên ngành đào tạo đáp ứng được nhu cầu công việc.

PO 5: Phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp; có tinh thần tự chịu trách nhiệm cá nhân, chịu trách nhiệm trước nhóm trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Có khả năng và tinh thần tự học và học tập nâng cao trình độ. Có khả năng đảm nhận các vị trí như chuyên viên, quản lý ở các bộ phận chức năng.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, sinh viên đạt được:

ELO 1: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội và pháp luật vào việc giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động khai thác và quản lý kinh tế tài nguyên môi trường theo quan điểm khoa học kinh tế.

ELO 2: Ứng dụng các kiến thức về khoa học tự nhiên làm nền tảng để học tập các môn cơ sở ngành và chuyên ngành cũng như trong công tác nghiên cứu và giải quyết các công việc chuyên môn.

ELO 3: Triển khai các hoạt động, các dự án kinh tế-xã hội của các tổ chức, doanh nghiệp liên quan các lĩnh vực khai thác tái tạo tài nguyên và bảo vệ môi trường, phát triển bền vững.

ELO 4: Thực hiện được việc định giá tài nguyên, giá trị tổn hại trong lĩnh vực tài nguyên, thẩm định giá tài sản nguồn lực nói chung và liên quan đến các lĩnh vực tài nguyên môi trường nói riêng.

ELO 5: Áp dụng hệ thống chính sách thuế, phí, quản lý tài chính, kế toán trong hoạt động ở các tổ chức, các doanh nghiệp.

2.2. Kỹ năng

ELO 6: Sử dụng tiếng Anh để hoàn thành báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày và trao đổi được các ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn. Đạt một trong các chuẩn kỹ năng tiếng Anh với mức điểm tối thiểu để xét tốt nghiệp:

+ Chứng nhận TOEIC nội bộ (do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TPHCM cấp) 450;

+ Chứng chỉ quốc tế còn thời hạn: TOEIC 450, TOEFL PBT 450, TOEFL CBT 133, TOEFL iBT 45, IELTS 4.5;

+ Chứng chỉ B1 (trương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

ELO 7: Áp dụng phần mềm xử lý số liệu và các công cụ thống kê để giải quyết các vấn đề quản trị kinh doanh. Đạt một trong các chuẩn kỹ năng Tin học để xét tốt nghiệp: Chứng chỉ ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản hoặc nâng cao (do các đơn vị được Chứng chỉ ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản hoặc nâng cao (do các đơn vị được Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông cấp phép theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21 tháng 6 năm 2016); hoặc chứng chỉ Tin học văn phòng quốc tế MOS (Word, Excel, Powerpoint) với điểm đạt từ 700 trở lên.

ELO 8: Thực hiện tốt kỹ năng thuyết trình, giao tiếp và chuẩn mực trong phát ngôn để phân tích các vấn đề về quản lý, kinh tế tài nguyên môi trường.

ELO 9: Xây dựng được các giải pháp thay thế và có khả năng phản biện trong điều kiện môi trường kinh doanh thay đổi.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

ELO 10: Thể hiện các chuẩn mực về đạo đức, tuân thủ luật pháp và thực thi trách nhiệm xã hội trong quá trình làm việc.

ELO 11: Chứng minh được quan điểm cá nhân trong việc đưa ra kết luận khi thuyết trình, bảo vệ các dự án, công trình, đề tài nghiên cứu.

ELO 12: Triển khai tốt công tác lãnh đạo, điều hành, hợp tác trong nhóm để đạt mục tiêu của tổ chức, của doanh nghiệp.

ELO 13: Thực hiện việc lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động giải quyết công việc thực tiễn.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên có thể làm việc trong các tổ chức kinh tế ở mọi thành phần, cơ quan chính quyền từ địa phương đến trung ương, các tổ chức phi lợi nhuận và các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, các viện nghiên cứu về lĩnh vực kinh tế tài nguyên- môi trường, quản lý,...

4. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi ra trường có đủ khả năng tự học tập để nâng cao trình độ, tiếp tục tham gia học tập các chương trình đào tạo sau đại học để nhận được các học vị thạc sĩ, tiến sĩ.

5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo

- Chương trình đào tạo bậc đại học ngành Kinh tế của trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội;

- Chương trình đào tạo bậc đại học ngành Kinh tế và quản lý công của trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng;

Chương trình đào tạo bậc đại học ngành Kinh tế của trường Đại học Kinh tế-Luật TP.Hồ Chí Minh;

- Căn cứ thực tiễn: Kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan về chương trình đào tạo ngành Kinh tế Tài nguyên thiên nhiên của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP.HCM.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

a. Kiến thức giáo dục đại cương: 30 tín chỉ

+ Kiến thức giáo dục đại cương bao gồm Giáo dục Quốc phòng, Giáo dục Thể chất: 43 tín chỉ.

+ Kiến thức giáo dục đại cương không bao gồm Giáo dục Quốc phòng, Giáo dục Thể chất: 30 tín chỉ.

b. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 106 tín chỉ.

- Kiến thức cơ sở ngành : 60 tín chỉ

+ Bắt buộc: 49 tín chỉ.

+ Tự chọn: **11/28** tín chỉ (**11** tín chỉ tự chọn để học trong tổng số **28** tín chỉ tự chọn).

- Kiến thức chuyên ngành: 34 tín chỉ.

+ Bắt buộc: 26 tín chỉ.

+ Tự chọn: **08/20** tín chỉ (**08** tín chỉ tự chọn để học trong tổng số **20** tín chỉ tự chọn).

- Kiến thức tốt nghiệp: 12 TC.

+ Thực tập tốt nghiệp: 04 TC.

+ Khóa luận / Đồ án tốt nghiệp: 08 TC.

Tổng khối lượng: 136 TC (không tính các học phần GDTC, QPAN).

Tổng khối lượng: 149 TC (tính cả các học phần GDTC, QPAN).

4. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), đạt điểm chuẩn tuyển sinh theo quy định của Nhà trường.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Được thực hiện theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

Thời gian đào tạo: 04 năm (08 học kỳ) bố trí các học phần kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo ngành học trong thời gian quy định cho khóa học và thỏa mãn các yêu cầu về kết quả học tập và các điều kiện khác theo Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.
- Có các chứng chỉ theo yêu cầu chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (chứng chỉ giáo dục quốc phòng – an ninh, chứng chỉ giáo dục thể chất,...);
- Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ và tin học theo quy định của trường.

6. Cách thức đánh giá

Kết quả học tập được đánh giá theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ do Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh ban hành bao gồm hai loại thang điểm:

a) Thang điểm 10 là thang điểm tiện ích tham chiếu, được sử dụng cho các điểm thành phần của một học phần. Các bảng ghi điểm thành phần (điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thi cuối kỳ, điểm bài thí nghiệm,...) sử dụng thang điểm 10.

b) Thang điểm 4 là thang điểm chính thức, trong đó điểm chữ (A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D, F) được sử dụng cho điểm tổng kết học phần quy đổi từ thang điểm 10 dựa theo

Bảng 1, điểm số (4-0) được sử dụng cho tính điểm trung bình học kỳ và điểm trung bình tích lũy.

7. Nội dung chương trình đào tạo

7.1. Danh sách các học phần và trong chương trình đào tạo

Ký hiệu: - LT: Lý thuyết;

- TH, BT, TT, ĐA, BTL: Thực hành, Bài tập, Thực tập, Đồ án, Bài tập lớn

Ghi chú: (*) Không kể GDTC và GDQP-AN.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần học trước	Ghi chú
					LT	BT	TH				
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương											
<i>1.1 Bắt buộc: 30 tín chỉ</i>											
<i>1.1.1. Lý luận chính trị</i>											
1	12 11 1 4 011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	30	0	0	0	0		
2	12 11 1 4 010	Triết học Mác - Lênin	1	3	45	0	0	0	0		
3	12 11 1 4 013	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	2	30	0	0	0	0		
4	12 11 1 4 014	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	4	2	30	0	0	0	0		
<i>1.1.2. Khoa học xã hội</i>											
5	12 11 1 4 015	Pháp luật đại cương	1	2	30	0	0	0	0		
6	12 11 1 4 012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	2	20	10	0	0	0		
7	14 01 1 4 002	Môi trường và con người	1	2	20	10	0	0	0		
<i>1.1.3. Ngoại ngữ</i>											
8	11 13 1 4 006	Anh văn 1	1	3	45	0	0	0	0		
9	11 13 1 4 002	Anh văn 2	2	3	45	0	0	0	0	111314006	
<i>1.1.4. Khoa học tự nhiên</i>											
10	11 11 1 4 008	Toán cao cấp 1	1	2	20	10	0	0	0		
11	11 11 1 4 009	Toán cao cấp 2	2	2	20	10	0	0	0	111114008	
12	11 11 1 4 011	Xác suất thống kê	3	2	20	10	0	0	0		
13	17 03 2 4 067	Tin học ứng dụng	1	3	20	10	0	0	0		
<i>1.1.5. Giáo dục thể chất</i>											
14	301114003	Giáo dục thể chất (*)	1	5	30			120			
<i>1.6. Giáo dục quốc phòng – An ninh</i>											
15	201114001	Giáo dục quốc phòng (*)	1	8							
<i>1.2 Tự chọn</i>											
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp											
<i>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</i>											
<i>2.1.1. Bắt buộc: 49 tín chỉ</i>											
16	18 02 1 4 001	Kinh tế vi mô	1	3	30	15	0	0	0		

17	18 02 1 4 002	Kinh tế vĩ mô	2	3	30	15	0	0	0	180214001
18	18 02 1 4 105	Nguyên lý kế toán	2	3	30	15	0	0	0	
19	18 02 1 4 030	Tài chính - Tiền tệ	3	3	30	15	0	0	0	180214001 180214002
20	18 02 1 4 210	Kinh tế lượng	3	3	30	15	0	0	0	111114011
21	18 03 1 4 058	Kinh tế phát triển bền vững	4	3	30	15	0	0	0	180214001 180214002
22	18 03 1 4 031	Kinh tế công	4	3	30	15	0	0	0	180214001 180214002
23	18 03 1 4 121	Kinh tế quốc tế	5	3	30	15	0	0	0	180214001 180214002
24	18 02 1 4 211	Kiểm toán môi trường	5	3	30	15	0	0	0	
25	18 04 1 4 023	Luật và chính sách tài nguyên môi trường	6	3	35	10	0	0	0	
26	18 01 1 4 001	Quản trị học	2	2	30	0	0	0	0	
27	18 01 1 4 136	Quản trị tài chính	4	3	30	15	0	0	0	180214030
28	18 02 1 4 021	Kế toán tài chính	4	3	30	15	0	0	0	180214105
29	18 02 1 4 031	Thuế và chính sách thuế	5	3	30	15	0	0	0	
30	18 03 1 4 070	Anh văn chuyên ngành	3	2	20	10	0	0	0	111314007
31	18 03 1 4 020	Nguyên lý thống kê kinh tế	2	2	20	10	0	0	0	
32	18 01 1 4 050	Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình căn bản	2	2	20	10	0	0	0	
33	18 01 1 4 051	Kỹ năng tư duy và lập kế hoạch	3	2	20	10	0	0	0	
<i>2.1.2. Tự chọn (Chọn ít nhất 11 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau)</i>										
34	18 01 1 4 045	Quản trị dự án	3	3	30	15	0	0	0	
35	18 03 1 4 032	Phân tích dữ liệu môi trường	3	2	20	10	0	0	0	
36	18 02 1 4 127	Phân tích định lượng	4	2	20	10	0	0	0	
37	18 03 1 4 041	Mô hình kinh tế	5	2	20	10	0	0	0	
38	18 01 1 4 002	Tâm lý học quản trị	2	2	30	0	0	0	0	
39	18 01 1 4 079	Nguyên lý marketing	4	3	30	15	0	0	0	

40	18 01 1 4 007	Phân tích và dự báo kinh doanh	5	3	30	15	0	0	0		
41	18 03 1 4 014	Du lịch sinh thái	3	2	30	0	0	0	0	180314014	
42	18 01 1 4 052	Kỹ năng giao tiếp công sở	4	1	15	0	0	0	0		
43	14 01 1 4 009	Sản xuất sạch hơn	3	2	25	5	0	0	0		
44	18 03 1 4 049	Thống kê môi trường	5	2	20	10	0	0	0		
45	14 01 1 4 004	Sinh thái học	2	2	30	0	0	0	0		
46	18 01 1 4 053	Tối ưu hoá trong kinh doanh	2	2	20	10	0	0	0		
2.2. Kiến thức chuyên ngành											
2.2.1. Bắt buộc: 26 tín chỉ											
47	18 02 1 4 040	Thẩm định giá	7	2	20	10	0	0	0		
48	18 03 1 4 005	Kinh tế tài nguyên đất	6	2	25	5	0	0	0		
49	18 03 1 4 035	Kinh tế tài nguyên nước	6	2	25	5	0	0	0		
50	18 03 1 4 002	Kinh tế môi trường	5	3	30	15	0	0	0		
51	18 03 1 4 039	Kinh tế ô nhiễm	6	2	25	5	0	0	0		
52	14 01 1 4 026	Đánh giá tác động môi trường	7	2	25	5	0	0	0		
53	18 03 1 4 046	Kinh tế năng lượng tái tạo	7	2	25	5	0	0	0		
54	18 03 1 4 042	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	7	2	25	5	0	0	0		
55	18 02 1 4 018	Phân tích lợi ích - chi phí	5	2	20	10	0	0	0		
56	18 03 1 4 004	Định giá tài nguyên môi trường	6	3	30	15	0	0	0	180214018	
57	18 03 1 4 122	Phương pháp nghiên cứu khoa học	5	2	30	0	0	0	0		
58	18 03 1 4 038	Kinh tế tài nguyên thủy sản	6	2	20	10	0	0	0		
2.2.2. Tự chọn (Chọn ít nhất 08 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau)											
59	18 03 1 4 036	Kinh tế tài nguyên rừng	7	2	20	10	0	0	0		
60	18 03 1 4 050	Kinh tế biển và hải đảo	6	2	20	10	0	0	0		
61	18 03 1 4 043	Kinh tế biển đổi	7	2	20	10	0	0	0		

		khí hậu									
62	18 03 1 4 044	Kinh tế xử lý chất thải	6	2	20	10	0	0	0		
63	18 03 1 4 045	Kinh tế khoáng sản	7	2	20	10	0	0	0		
64	14 01 1 4 003	Cơ sở khoa học môi trường	6	2	30	0	0	0	0		
65	18 02 1 4 038	Lập và thẩm định dự án đầu tư	6	2	20	10	0	0	0	180114 136	
66	18 03 1 4 033	Đề án chuyên ngành kinh tế	7	2	0	0	0	30	0		
67	18 03 1 4 123	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp-CSR	7	2	30	0	0	0	0		
68	18 03 1 4 063	Kinh tế nông nghiệp xanh	6	2	30	0	0	0	0		
2.3. Thực tập và đồ án/khóa luận tốt nghiệp											
69	18 01 1 4 037	Thực tập tốt nghiệp	8	4	0	0	0	360	0		
70	18 01 1 4 038	Khóa luận tốt nghiệp	8	8	0	0	0	480	0	180114037	
Tổng số tín chỉ (*)				136							

7.2. Mô tả nội dung học phần trong chương trình đào tạo

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương					
1	121114011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 6 chương bao quát những nội dung cơ bản về học thuyết giá trị, giá trị thặng dư, học thuyết kinh tế CNTB độc quyền, CNTB độc quyền nhà nước, sự mạnh giai cấp công nhân và cách mạng xã hội, những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng XHCN, chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng thế giới.	30/0/0	
2	121114010	Triết học Mác - Lênin	Ngoài một chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và một số vấn đề chung của môn học. Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế	45/0/0	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
			giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin.		
3	121114012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Môn Chủ nghĩa xã hội khoa học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết các phạm trù, khái niệm, các quy luật chính trị - xã hội; Thực hiện đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước; Xây dựng thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn.	30/0/0	
4	121114013	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Môn tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học bắt buộc chung. Sau khi học xong môn học này, người học sẽ có ý thức trong việc vận dụng những giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh vào hoạt động thực tiễn. Nội dung của môn học bao gồm 8 chương trình bày những vấn đề cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu của môn học và trong mỗi chương sẽ trình bày những nội dung cơ bản theo mục tiêu của từng chương.	30/0/0	
5	121114014	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Là học phần bắt buộc, được giảng dạy cuối cùng trong các học phần lý luận chính trị. Học phần cung cấp những tri thức cơ bản nhất về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Học phần góp phần bồi dưỡng cho sinh viên về phẩm chất, đạo đức cách mạng, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự nghiệp của dân tộc. Giúp sinh viên hiểu biết về sự ra đời và lãnh đạo đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam; Thực hiện những vấn đề lịch sử, kinh tế - xã hội của đất nước; Xây dựng tinh thần yêu nước, ý thức, niềm tự hào, tự tôn dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.	30/0/0	
6	121214015	Pháp luật đại cương	Học phần giới thiệu các khái niệm, các phạm trù chung cơ bản nhất về Nhà nước và Pháp luật dưới góc độ của khoa học quản lý. Trên cơ sở đó, đi vào phân tích: Cấu trúc của bộ máy Nhà nước cũng như chức năng, thẩm quyền và địa vị pháp lý của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; tính chất pháp lý và cơ cấu của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật; nội dung cơ bản của Luật hành chính, Luật dân sự, Luật hình sự.	30/0/0	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
7	111314006	Anh văn 1	Thông qua 7 đơn vị bài học cung cấp cho sinh viên một số lượng từ vựng phong phú về các chủ điểm giáo dục, công việc, thư tín, hợp đồng, Về cú pháp cung cấp cho sinh viên cách sử dụng các loại từ loại trong tiếng Anh, câu ra lệnh, lời đề nghị, thông báo.	45/0/0	
8	111314002	Anh văn 2	Đây là nội dung Tiếng Anh cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng với vốn từ vựng cần thiết cho giao tiếp và kinh doanh. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình Tiếng Anh 7 năm ở bậc trung học	45/0/0	
9	111114008	Toán cao cấp 1	Trang bị cho sinh viên các khái niệm về tập hợp, ánh xạ, quan hệ và quan hệ thứ tự. Sinh viên nắm được các kiến thức về định thức, ma trận và lý thuyết hệ phương trình tuyến tính. Trang bị cho sinh viên khái niệm về không gian vector, hệ độc lập tuyến tính, cơ sở và số chiều không gian, ánh xạ tuyến tính và ma trận của nó, phép biến đổi tuyến tính, vector riêng và giá trị riêng. Nắm vững đường cong bậc hai và mặt bậc hai của hình học giải tích.	20/10/0	
10	111114009	Toán cao cấp 2	Học phần cung cấp kiến thức đại cương về tập hợp, quan hệ và logic suy luận, cũng như các kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích toán học thực sự cần thiết cho việc tiếp cận với các mô hình phân tích quá trình ra quyết định trong kinh tế và quản lý: Không gian vector số học n chiều; ma trận và định thức; hệ phương trình tuyến tính; dạng toàn phương; hàm số và giới hạn; phép vi phân đối với hàm số một biến số; hàm nhiều biến và hàm ẩn; các bài toán cực trị; phép tính tích phân; phương trình vi phân; phương trình sai phân.	20/10/0	
11	111114011	Xác suất thống kê	Học phần được kết cấu thành hai phần tương đối độc lập về cấu trúc nhưng có liên quan chặt chẽ về nội	20/10/0	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
			<p>dung</p> <p>Phân lý thuyết xác suất giới thiệu tính quy luật của các hiện tượng ngẫu nhiên.</p> <p>Phân thống kê toán bao gồm các nội dung: Cơ sở lý thuyết về điều tra chọn mẫu, một phương pháp được dùng khá phổ biến trong điều tra, khảo sát các dữ liệu kinh tế và điều tra xã hội học; các phương pháp ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê trong nghiên cứu các vấn đề thực tế nói chung và các vấn đề kinh tế nói riêng.</p>		
12	170324067	Tin học ứng dụng	<p>Học phần trang bị cho sinh viên khối ngành Kinh tế - Quản trị kinh doanh những kiến thức cơ bản về tin học xét trên quan điểm của người ứng dụng.</p> <p>Học phần đề cập đến 5 khối kiến thức: 1/ Một số vấn đề cơ bản về tin học và máy tính. 2/ Các hệ điều hành MS DOS và WIN-DOWS. 3/ Soạn thảo văn bản trên máy tính. 4/ Sử dụng bản tính Excel. 5/ Sử dụng các dịch vụ cơ bản của Internet. Học phần sẽ giúp học viên nâng cao kỹ năng sử dụng máy vi tính và các phần mềm thông dụng nhất.</p>	20/10/15	
13	140114002	Môi trường và con người	<p>Được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về con người và sự phát triển của con người, các khái niệm sinh thái, tài nguyên thiên nhiên, sự tương tác giữa con người và môi trường, vai trò của con người trong cách tiếp cận bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Từ những kiến thức cơ bản này, sinh viên có thể giải thích được nguyên nhân chính gây nên các vấn đề môi trường, đồng thời cũng tự đưa ra được các biện pháp và hành vi tương thích để bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững.</p>	20/10/0	
14	301114003	Giáo dục thể chất	<p>Phần 1: Thực hiện 90 tiết, ứng với 3 học phần: Điền kinh, bóng rổ và cầu lông, hoàn thành chương trình trong 3 học kỳ I, II và III.</p> <p>Phần 2: Thực hiện 90 tiết, ứng với 3</p>	30/120	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
			học phần: Điền kinh, bóng rổ và cầu lông, hoàn thành chương trình trong 3 học kỳ I, II và III.		
15	201114001	Giáo dục quốc phòng – an ninh	Trang bị kiến thức cơ bản về đường lối quân sự, công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước; những kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và làm nghĩa vụ quân sự, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa.		
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp					
2.1. Kiến thức cơ sở ngành					
16	180214001	Kinh tế vi mô	Cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh. Học phần còn đề cập đến hành vi của các thành viên trong một nền kinh tế: người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ. Qua đó sinh viên sẽ được trang bị công cụ phân tích để hiểu và có thể áp dụng khi học các học phần tiếp theo.	45/0/0	
17	180214002	Kinh tế vĩ mô	Cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn bản một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm: Đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; giới thiệu những tư tưởng chính về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.	45/0/0	
18	180214105	Nguyên lý kế toán	Cung cấp những kiến thức cơ bản về các nguyên lý kế toán chung và việc vận dụng chúng vào doanh nghiệp: Các khái	30/15/0	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
			niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán và lập các báo cáo kế toán tài chính, trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; các hình thức kế toán; nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.		
19	180214030	Tài chính - Tiền tệ	Cung cấp những kiến thức cơ bản như: Khái quát về tài chính, tiền tệ, tín dụng; lãi suất tín dụng, ngân hàng thương mại, ngân hàng trung ương; khái quát thị trường tài chính tài chính doanh nghiệp; ngân sách nhà nước; lạm phát tiền tệ	30/15/0	
20	180214210	Kinh tế lượng	Cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy một phương trình, cách phân tích đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như về kinh tế của mô hình. Học phần còn trang bị cho sinh viên cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dùng và cơ sở dữ liệu của Việt Nam.	30/15/0	
21	180314058	Kinh tế phát triển bền vững	Cung cấp những lý thuyết cơ bản về phát triển kinh tế và vận dụng vào thực tiễn các nước đang phát triển; bản chất tăng trưởng và phát triển kinh tế; những vấn đề phát triển kinh tế được đặt ra với các nước đang phát triển; tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển phúc lợi cho con người; các yếu tố tác động đến tăng trưởng kinh tế kinh tế: Lao động, vốn, tài nguyên và công nghệ; các chính sách phát triển kinh tế: chính sách phát triển nông nghiệp và nông thôn, chính sách công nghiệp, tài chính và ngoại thương; ngoài ra môn học còn nghiên cứu sự vận dụng vào chính sách phát triển kinh tế của Việt Nam.	45/0/0	
22	180314031	Kinh tế công	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về cơ sở kinh tế và các hoạt động của khu vực công trong nền kinh tế. Tìm hiểu, phân tích, đánh giá các chính sách của	45/0/0	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
			chính phủ áp dụng trong khu vực công. Sự điều tiết của nhà nước thông qua hoạt động chi tiêu công cộng và chính sách thuế khóa.		
23	180314121	Kinh tế quốc tế	Cung cấp kiến thức về các mối quan hệ kinh tế giữa các nước, các khu vực trên thế giới thông qua mậu dịch quốc tế, đầu tư quốc tế và tài chính quốc tế. Dựa trên cơ sở của kinh tế học, kinh tế quốc tế nghiên cứu lý thuyết cổ điển và lý thuyết hiện đại về mậu dịch quốc tế; chính sách thuế quan và chính sách phi thuế quan; các hình thức liên kết kinh tế quốc tế; mậu dịch quốc tế ở các nước đang phát triển; sự di chuyển nguồn lực quốc tế và một số vấn đề về tài chính quốc tế như thị trường ngoại hối, tỷ giá hối đoái, cán cân thanh toán và hệ thống tài chính và tiền tệ quốc tế.	45/0/0	
24	180214211	Kiểm toán môi trường	Giúp sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về Hệ thống quản lý môi trường theo ISO 14000, ISO 14001; phương pháp kiểm toán môi trường; phương pháp kiểm toán chất thải. Qua đó, có thể xây dựng một chương trình kiểm toán môi trường thực tế.	30/15/0	
25	180414023	Luật và chính sách tài nguyên môi trường	Trang bị cho sinh viên kiến thức về luật và chính sách môi trường và các kỹ năng cũng như phương pháp xây dựng luật và chính sách môi trường.	45/0/0	
26	180114001	Quản trị học	Cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp của nó như: khái niệm và bản chất của quản trị; nhà quản trị; môi trường quản trị; các lý thuyết quản trị (cổ điển và hiện đại); các chức năng của quản trị: hoạch định, tổ chức, giám đốc/điều hành và kiểm tra/kiểm soát. Học phần còn cập nhật một số vấn đề mới của quản trị học hiện đại như quản trị thông tin và ra quyết định, quản trị sự đổi mới/thay đổi, quản trị xung đột, quản trị sự rủi ro và cơ hội của một doanh nghiệp.	30/0/0	
27	180114136	Quản trị tài chính	Cung cấp những khái niệm cơ bản, các kỹ năng phân tích trong quá trình ra quyết định về tài chính. Các chủ đề bao gồm: quản lý thu chi, phân tích và dự	30/15/0	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
			báo tài chính, quản lý đầu tư dài hạn, quản lý tài sản dài hạn, quản lý nguồn vốn, chi phí vốn.		
28	180214021	Kế toán tài chính	Khái quát hệ thống kế toán tài chính Các nghiệp vụ kế toán như: Kế toán lương, Kế toán tiền mặt – ngân hàng, Kế toán công nợ (Kế toán các khoản phải thu, Kế toán các khoản phải trả), Kế toán doanh thu, Kế toán chi phí (Kế toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm, Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý), Kế toán các khoản ứng trước, Kế toán hàng tồn kho, Kế toán tài sản cố định, Kế toán tổng hợp,...	30/15/0	
29	180214031	Thuế và chính sách thuế	Cung cấp những kiến thức cơ bản về các sắc thuế được áp dụng tại Việt Nam cũng như thế giới như thuế tiêu dùng, thuế sản xuất, thuế tài sản. Các nội dung bao quát trong chương trình gồm: nguyên lý chung trong xây dựng, và áp dụng các sắc thuế, đi sâu vào phân tích, tính toán và kê khai trong thực tiễn. Đây là môn học nền tảng bổ trợ kiến thức cho các môn chuyên ngành như: quản trị tài chính, quản lý ngân sách, tài chính công. Kiến thức môn học này là cơ sở cho môn học thuế nâng cao, cũng như các chuyên đề tốt nghiệp cho sinh viên.	30/15/0	
30	180314070	Anh văn chuyên ngành	Giúp người học làm quen và rèn luyện phát triển các phương pháp học liên quan đến khả năng sử dụng tiếng Anh như là một công cụ giao tiếp trong môi trường học thuật. Kết thúc chương trình, người học sẽ: (I) hình thành cho mình phương pháp học đọc hiểu phù hợp và có khoa học; (II) có khả năng đọc sách giáo khoa, tạp chí chuyên ngành liên quan bằng tiếng Anh.	30/0/0	
31	180314020	Nguyên lý thống kê kinh tế	Trang bị cho sinh viên các vấn đề về lý thuyết, chuẩn bị cho những tiết thực hành trên máy tính có hiệu quả, là cơ sở quan trọng cho người học tiếp cận các môn học chuyên ngành kinh tế. Trang bị cho sinh viên khả năng ứng dụng trong	30/0/0	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
			lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh với các ví dụ gần gũi với thực tế.		
32	180114050	Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình căn bản	Hiểu và vận dụng kiến thức về kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, thuyết phục trong kinh doanh; áp dụng kỹ năng giao tiếp trong học tập và phát triển trong công việc khi ra trường.	30/0/0	
33	180114051	Kỹ năng tư duy và lập kế hoạch	Cung cấp những kiến thức cơ bản về kỹ năng tư duy, xác lập mục tiêu và lập kế hoạch để đạt mục tiêu; khả năng ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn thông qua việc rèn luyện kỹ năng tư duy, lập kế hoạch cho công việc.	30/0/0	
34	180114045	Quản trị dự án	Cung cấp kiến thức cơ bản về quản lý dự án, bao gồm các nội dung: Lý thuyết cơ bản và hiện đại về dự án và quản lý dự án đầu tư phát triển; Các mô hình tổ chức QLDA trong nền kinh tế nói chung và doanh nghiệp nói riêng; Nội dung chủ yếu của QLDA (Quản lý thời gian, quản lý chi phí, quản lý nhân sự dự án, Phân phối nguồn lực dự án, quản lý chất lượng dự án, đánh giá và giám sát dự án...); Thực hành công tác QLDA trên cơ sở các bài tập tình huống do các nhà quản lý dự án chuyên nghiệp xây dựng	30/15/0	
35	180314032	Phân tích dữ liệu môi trường	Cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản liên quan đến phương pháp nghiên cứu khoa học ứng dụng trong Khoa học môi trường và phân tích dữ liệu, trình bày kết quả nghiên cứu để làm nền tảng cho việc học các môn học khác. Giới thiệu cho học viên các khái niệm và công cụ nghiên cứu khoa học cơ bản như Chuẩn bị đề cương nghiên cứu, Thiết kế và thực hiện nghiên cứu, Cách thành lập bảng hỏi, Phương pháp thu thập số liệu, Nhập và xử lý số liệu nghiên cứu, Phân tích và phát biểu thành lời những kết luận rút ra từ quá trình nghiên cứu, cách viết và trình bày kết quả nghiên cứu, ...và các kỹ năng liên quan nhằm giúp sinh viên có thể áp dụng vào thực tế nghiên cứu.	30/0/0	
36	180214127	Phân tích định lượng	Phân đầu là phân lý thuyết trình bày khái niệm thống kê và phương pháp luận của phân tích dữ liệu định lượng, tập trung vào các mô hình hồi quy hai biến, hồi	30/0/0	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
			quy bội, ước lượng và kiểm định giả thuyết. Phần hai ứng dụng phân tích dữ liệu trong kinh doanh dựa trên các mô hình hồi quy thông qua phần mềm máy tính hỗ trợ phân tích dữ liệu trong nghiên cứu định lượng là phần mềm xử lý thống kê SPSS. Sinh viên sẽ được làm quen các khái niệm về phân loại, mã hóa, làm sạch dữ liệu, xử lý trên biến, tóm tắt, trình bày dữ liệu và kiểm định giả thuyết.		
37	180314041	Mô hình kinh tế	Cung cấp một công cụ lý thuyết mô tả các quá trình kinh tế thông qua các biến số kinh tế và những mối quan hệ logic và định lượng giữa các biến số đó. Ngoài ra, môn học còn cung cấp kiến thức cơ bản về các mô hình tăng trưởng kinh tế như mô hình cổ điển, K.Marx, Keynes hay tăng trưởng kinh tế hiện đại... để xác định và lượng hóa vai trò của các nhân tố dẫn đến tăng trưởng kinh tế.	30/0/0	
38	18011002	Tâm lý học quản trị	Cung cấp những kiến thức khái quát về khoa học tâm lý, tâm lý của cá nhân, tập thể, những kiến thức về giao tiếp, những kiến thức tâm lý có liên quan đến hoạt động kinh doanh, đến người bán hàng, đến công tác quản lý trong lĩnh vực kinh doanh...	30/0/0	
39	180114079	Nguyên lý marketing	Học phần cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn bản về những nguyên lý marketing và sự vận dụng chúng vào thực tiễn doanh nghiệp như: hệ thống thông tin và nghiên cứu marketing; Môi trường marketing và thị trường của các doanh nghiệp; nhận dạng nhu cầu và hành vi khách hàng; phương pháp luận nghiên cứu marketing và nguyên lý ứng xử của doanh nghiệp với thị trường, gồm: các chiến lược thị trường, các chính sách marketing căn bản và tổ chức quản trị marketing của doanh nghiệp.	30/15/0	
40	180114007	Phân tích và dự báo kinh doanh	Học phần này giúp sinh viên thấy được tình hình hoạt động thực tế và kết quả của doanh nghiệp, từ đó đề xuất các biện pháp hợp lý để kiểm soát chi phí, khai thác khả năng tiềm tàng của doanh nghiệp nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Phân tích hoạt động kinh doanh bằng	30/15/0	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
			các phương pháp nghiên cứu riêng có của mình giúp sinh viên hiểu và đánh giá đúng kết quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và cho thấy được nguyên nhân khách quan và chủ quan dẫn đến kết quả. Phân tích báo tài chính của doanh nghiệp cho thấy được ý nghĩa của các số liệu trên các báo cáo, thông qua mối quan hệ giữa các khoản mục trên bảng cân đối sẽ đánh giá được tình hình biến động cũng như kết cấu vốn, nguồn vốn của doanh nghiệp. Khả năng sinh lời, tình hình lưu chuyển vốn, khả năng thanh toán của doanh nghiệp cũng sẽ được sáng tỏ khi phân tích báo cáo tài chính. Dự báo kinh doanh cung cấp thông tin ra quyết định kinh doanh.		
41	180314014	Du lịch sinh thái	Truyền đạt cho sinh viên các khái niệm về du lịch sinh thái (DLST), tài nguyên DLST. Các loại hình du lịch sinh thái. Các kiến thức, phương pháp và kỹ năng quy hoạch, quản lý các hoạt động du lịch sinh thái trên phương diện kỹ thuật, kinh tế-xã hội và môi trường. Kỹ năng làm việc tại các công ty du lịch sinh thái các khu bảo tồn, Vườn quốc gia...	30/0/0	
42	180114052	Kỹ năng giao tiếp công sở	Hiểu và vận dụng kiến thức chung về kỹ năng giao tiếp tại công sở, đơn vị làm việc một cách hiệu quả.	5/10/0	
43	140114009	Sản xuất sạch hơn	Tiếp cận mới về môi trường trong các nhà máy, doanh nghiệp sản xuất. Phương pháp bảo vệ môi trường trong nhà máy không còn là giải pháp thụ động như xử lý cuối đường ống nữa mà là những giải pháp chủ động ngăn ngừa chất thải ngay từ nguồn phát sinh như: quản lý nội vi trong nhà máy, thay đổi nguồn nguyên liệu, năng lượng sạch, kiểm soát quá trình, thiết kế lại sản phẩm và tái chế, tái sử dụng tại chỗ nguồn chất thải. Chính vì vậy, không những doanh nghiệp đạt các tiêu chuẩn về môi trường mà còn giúp doanh nghiệp tiết kiệm được nguyên vật liệu và năng lượng, tăng số lượng và chất	30/0/0	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
			lượng sản phẩm, quản lý được chất thải và các nguồn rò rỉ, quản lý chất lượng cả vòng đời sản phẩm, từ đó dễ dàng đạt được các chứng chỉ về quản lý chất lượng ISO 9000, quản lý chất lượng môi trường ISO 14000...		
44	180314049	Thống kê môi trường	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Thống kê hiện trạng môi trường, phân tích thống kê môi trường, phân tích dự án môi trường và các vấn đề về thống kê trong doanh nghiệp môi trường.	30/0/0	
45	140114004	Sinh thái học	Cung cấp các kiến thức về mối quan hệ thống nhất giữa sinh vật thuộc các mức tổ chức khác nhau (quần thể, quần xã, hệ sinh thái) với môi trường. Đồng thời mang lại những kiến thức về sự phát triển và tiến hóa của hệ sinh thái và sinh quyển; mối quan hệ giữa con người với tài nguyên, nguyên nhân suy thoái của môi trường và các biện pháp hữu hiệu cho sự phát triển bền vững.	30/0/0	
46	180114053	Tối ưu hóa trong kinh doanh	Cung cấp kiến thức cơ bản về xây dựng mô hình quyết định giúp người học có được những cơ sở khoa học để ra quyết định dựa trên kết quả của các mô hình, cung cấp các kỹ thuật cụ thể cho các ứng dụng thực tế trong kinh doanh, sản xuất và dịch vụ.	20/10/0	
2.3 Kiến thức chuyên ngành					
47	180214040	Thẩm định giá	Hiểu các kiến thức cơ bản về các cơ sở lý thuyết của định giá và kết hợp áp dụng các quy định luật, nghị định của bộ tài chính cho ngành thẩm định giá từ đó ứng dụng hướng dẫn thực hành chuyên nghiệp ngành thẩm định giá như từ các khoản mục bảng cân đối kế toán, tài sản, bất động sản, công ty, thương hiệu.... Ngoài ra, học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về thẩm định giá, cơ sở giá trị của thẩm định giá, các nguyên tắc thẩm định giá, các phương pháp thẩm định giá tài sản, quy trình và hoàn tất một báo cáo thẩm định giá tài sản.	30/0/0	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
48	180314005	Kinh tế tài nguyên đất	Trang bị những kiến thức cơ bản để có thể đưa ra các phương pháp trong việc sử dụng nguồn đất trên cơ sở thực tế. Bên cạnh đó, môn học còn đưa ra những kiến thức để phân tích và lựa chọn các chính sách quản lý phù hợp khuyến khích người dân nâng cao hiệu quả trong sử dụng nguồn lực đất của mình.	30/0/0	
49	180314035	Kinh tế tài nguyên nước	Cung cấp kiến thức có liên quan về việc kinh tế có liên quan và đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý tài nguyên nước. Sau đó, sẽ giới thiệu các nguyên tắc kinh tế, khái niệm và lý thuyết để xây dựng nền tảng kinh tế cho sự hiểu biết các vấn đề nước. Dựa trên nền tảng kinh tế, học phần sẽ tiếp tục xây dựng, tổng hợp các phương pháp kinh tế để quản lý nước, bao gồm cả số lượng và các công cụ chính sách dựa trên giá cả, vai trò thể chế, và lợi ích chi phí phân tích.	30/0/0	
50	180314002	Kinh tế môi trường	Cung cấp những kiến thức cơ bản về: mối quan hệ giữa môi trường và phát triển kinh tế bền vững; bản chất của hệ thống môi trường; kinh tế học của chất lượng môi trường; những kỹ năng cơ bản của phân tích kinh tế tác động tới môi trường; nguyên lý và những kỹ năng cần thiết trong phân tích chi phí lợi ích và môi trường; những công cụ chủ yếu quản lý môi trường.	30/15/0	
51	180314039	Kinh tế ô nhiễm	Hiểu biết khái niệm và cách tiếp cận mang tính nguyên lý về ô nhiễm tối ưu, các công cụ chống ô nhiễm và bảo vệ môi trường. Thực trạng ô nhiễm môi trường Việt Nam và quản lý ô nhiễm môi trường chất thải hiện tại. Học phần gồm 8 chương. Bắt đầu bằng chương tổng quan về chất ô nhiễm. Chương 2 đi sâu vào những vấn đề cơ bản của kinh tế ô nhiễm. Chương 3 giới thiệu phương pháp tiếp cận của kinh tế ô nhiễm. Chương 4,5,6 đi sâu vào kinh tế học của quản lý từng loại chất ô nhiễm. Chương cuối cùng trình bày các công cụ kinh tế để giải quyết vấn đề ô nhiễm hiện nay	30/0/0	
52	140114026	Đánh giá tác động môi trường	Trang bị phần kiến thức cơ bản của phương pháp, công cụ, bước đi trong đánh giá tác động môi trường và lấy môi	30/0/0	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
			trường Đất làm trọng tâm trong việc phân tích và đưa ra các đánh giá. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp các phương pháp và quy trình đánh giá tác động môi trường cũng như cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cơ bản để có thể thực hiện những đánh giá về kinh tế cho một báo cáo đánh giá tác động môi trường		
53	180314046	Kinh tế năng lượng tái tạo	Một hệ thống năng lượng bền vững là gì? Làm thế nào có thể tái tạo năng lượng cung cấp một tỷ lệ lớn hơn nhu cầu năng lượng của chúng ta trong những thập kỷ tới? Những đánh giá và phân tích kinh tế để lựa chọn phương pháp tái tạo năng lượng mang lại hiệu quả kinh tế cho quốc gia và doanh nghiệp. Trong học phần này, bạn sẽ khám phá những câu hỏi này bằng cách xem xét một cách hệ thống các phương pháp tái tạo năng lượng và đánh giá lợi ích kinh tế của nó.	30/0/0	
54	180314042	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	Giới thiệu cho sinh viên các khái niệm về môi trường, các khái niệm về tài nguyên thiên nhiên, mối liên hệ và các vấn đề liên quan giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên và sức khỏe cộng đồng. Kiến thức về các hình thái tài nguyên và các vấn đề cần quan tâm hiện nay ảnh hưởng đến tài nguyên, các biện pháp quản lý và bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên. giải pháp bảo vệ và phát triển bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường.	30/0/0	
55	180214018	Phân tích lợi ích - chi phí	Cung cấp cho sinh viên phương pháp phân tích lợi ích chi phí của một dự án, một quyết định đầu tư trong tương lai làm cơ sở khoa học cho việc ra quyết định lựa chọn dự án, hay các quyết định đầu tư mang lại hiệu quả tốt nhất cho doanh nghiệp và xã hội.	30/0/0	
56	180314004	Định giá tài nguyên môi trường	Trang bị cho người học kiến thức về các mô hình, phương pháp định giá từ tài sản đến công ty, định giá các hợp đồng vay nợ, góp vốn, các phương pháp tài trợ, mô hình vay-tài trợ-tài sản thông qua các phương pháp và mô hình áp dụng... Bên cạnh đó, môn học trang bị các phương pháp định giá tài nguyên môi trường như phương pháp bộc lộ sự ưa thích như	30/15/0	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
			phương pháp chi phí du hành và nhóm phương pháp phát biểu sự ưa thích như phương pháp chi phí ngẫu nhiên.		
57	180314122	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Cung cấp các phương pháp, phương pháp luận khoa học là cơ sở cho học viên có cách tiếp cận đúng trong tiến hành nghiên cứu hoặc thực hành nghiên cứu những vấn đề kinh tế theo các mức độ khác nhau.	30/0/0	
58	180314038	Kinh tế tài nguyên thủy sản	Cung cấp các nội dung như: Tổng quan về thủy sản trên thế giới, nuôi trồng thủy sản, và các thị trường cho cá. Các luật biển và lịch sử phát triển của nó, các tổ chức quốc gia và quốc tế đối phó với quản lý nghề cá; Phân tích các giá trị kinh tế và giá trị môi trường đối với ngành thủy sản. Các phương pháp thiếu hiệu quả và nhu cầu quản lý phát sinh từ nguồn thủy sản - Làm thế nào để giải quyết những vấn đề này? Thị trường tài chính và các sản phẩm tài chính của cá; Các lý thuyết về hợp đồng tài chính; hợp đồng tài chính có thể giúp các đơn vị khai thác thủy sản hay không?	30/0/0	
59	180314036	Kinh tế tài nguyên rừng	Cung cấp các nội dung liên quan đến: Giá trị của tài nguyên rừng; Động lực, mục tiêu, và kỹ thuật quản lý tài nguyên rừng; Mục đích của phân tích kinh tế rừng; Thảm họa thiên nhiên và mô hình của Reed; Quản lý đa dụng; Quản lý rừng bền vững.	30/0/0	
60	180314050	Kinh tế biển và hải đảo	Phát triển các kỹ năng kinh tế tiên tiến áp dụng cho vấn đề phát triển và tài nguyên biển và hải đảo của thế giới. Học phần sẽ tập trung nhiều vào kỹ thuật phân tích và hướng dữ liệu có thể giúp làm sáng tỏ các chi phí và lợi ích của các chính sách khác nhau trong phân tích đối với biển và hải đảo, cũng như cách sử dụng một loạt các số liệu và kết hợp các giá trị môi trường - xã hội.	30/0/0	
61	180314043	Kinh tế biến đổi khí hậu	Cung cấp kiến thức chuyên ngành, kỹ năng phân tích để giải quyết các vấn đề cấp bách hiện nay đối với xã hội là biến đổi khí hậu. Nội dung học phần bao gồm khái niệm, thực trạng và tác động của vấn đề biến đổi khí hậu hiện nay ở Việt Nam và trên thế giới. Học phần cung cấp cho sinh viên các thông số xác định sự thay đổi của khí hậu và áp dụng phương	30/0/0	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
			pháp phân tích đường lợi ích – đường chi phí để đánh giá thiệt hại cũng như chi phí đầu tư để giảm thiểu các tác động đó lên con người và hệ thống kinh tế từ đó đưa ra các chính sách phù hợp để giải quyết vấn đề này.		
62	180314044	Kinh tế xử lý chất thải	Lý thuyết cơ sở về xử lý chất thải; nêu nguồn gốc phát sinh, phân loại, thành phần, và tính chất của chất thải; trình bày nguyên tắc cơ bản để xử lý chất thải; phân tích bản chất, nguyên tắc ứng dụng các công nghệ xử lý chất thải; đưa ra các phương pháp tính toán đối với phương pháp thải bỏ cuối cùng chất thải.	30/0/0	
63	180314045	Kinh tế khoáng sản	Cung cấp những kiến thức về: khoa học kinh tế và nguyên liệu khoáng; hệ thống đánh giá kinh tế khoáng sản. Học phần bao gồm những nội dung chính như: Tổng quan kinh tế nguyên liệu khoáng sản; Quan điểm và nguyên tắc đánh giá kinh tế tài nguyên khoáng sản; Các yếu tố quyết định giá trị kinh tế khoáng sản; Hệ thống các phương pháp đánh giá kinh tế khoáng sản; Nội dung và phương pháp lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và khả thi đầu tư phát triển khoáng sản.	30/0/0	
64	140114003	Cơ sở khoa học môi trường	Cung cấp kiến thức cơ sở ngành về khoa học môi trường. Môn học trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản về môi trường, chức năng của môi trường, tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường, công tác quản lý môi trường, các vấn đề nền tảng về môi trường và phát triển bền vững.	30/0/0	
65	180214038	Lập và thẩm định dự án đầu tư	Cung cấp kiến thức cơ bản về lập dự án bao gồm phân tích tình hình kinh tế xã hội tổng quát của dự án, phân tích thị trường, phân tích kỹ thuật và tổ chức nhân lực của dự án, phân tích tài chính, phân tích lợi ích kinh tế xã hội của dự án. Môn học còn cung cấp kiến thức cơ bản về thẩm định dự án đầu tư.	30/0/0	
66	180314033	Đề án chuyên ngành kinh tế	Theo quy định của Bộ môn Kinh tế – Khoa Kinh tế TN&MT (có thể điều chỉnh, cập nhật), mỗi sinh viên chọn một đề tài/ chủ đề thuộc nội dung của hoạt động doanh nghiệp để thực hiện.	30/0/0	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
67	180314123	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp- CSR	Cung cấp cho người học cái nhìn tổng quát về CSR, những thách thức về đạo đức kinh doanh và phát triển bền vững của doanh nghiệp. Môn học cũng tìm hiểu về mối quan hệ giữa kinh doanh và xã hội, làm thế nào cân bằng giữa mục tiêu kinh doanh và CSR, và phát triển bền vững. Môn học cung cấp cho người học về cách thức truyền thông đến công chúng mục tiêu về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.	30/0/0	
68	180314063	Kinh tế nông nghiệp xanh	Cung cấp khối kiến thức cơ bản về kinh tế nông nghiệp trong nền kinh tế thị trường bao gồm: hệ thống hóa các luận cứ khoa học về vai trò quan trọng của nông nghiệp trong chiến lược phát triển kinh tế, sử dụng hiệu quả các nguồn lực sản xuất nông nghiệp, chuyển giao công nghệ sản xuất, mở rộng thị trường vốn nông thôn, can thiệp thích hợp vào thị trường nông sản và những tác động hướng tới phát triển nông nghiệp một cách bền vững. Mỗi nội dung được trình bày trên ba khía cạnh: cơ sở lý thuyết, mô hình ứng dụng và thực tiễn các nước đang phát triển và Việt Nam.	30/0/0	
2.4 Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp					
69	180114037	Thực tập tốt nghiệp	Học phần Thực tập tốt nghiệp nghiên cứu thực tiễn về hoạt động sản xuất kinh doanh trong điều kiện nền kinh tế thị trường ở các doanh nghiệp BĐS. Những vấn đề nghiên cứu cơ bản: công tác tổ chức bộ máy quản lý, sản phẩm – thị trường; công tác lao động – tiền lương; công tác quản lý các nguồn lực vật chất; hoạt động marketing; tình hình tài chính và công tác kế toán...	0/0/360	
70	180114038	Khóa luận tốt nghiệp	Học phần Khóa luận tốt nghiệp nghiên cứu thực tiễn về hoạt động sản xuất kinh doanh trong điều kiện nền kinh tế thị trường ở các doanh nghiệp từ đó đề xuất giải pháp giải quyết những vấn đề tồn tại trong những hoạt động cơ bản tại thực tế doanh nghiệp. Những vấn đề nghiên cứu cơ bản: công tác tổ chức bộ máy quản lý, sản phẩm – thị trường; công tác lao động – tiền lương; công tác quản lý	0/0/480	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
			các nguồn lực vật chất; hoạt động marketing; tình hình tài chính và công tác kế toán...		

8. Hướng dẫn thực hiện chương trình Học kỳ 1:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
1	301114003	Giáo dục thể chất (*)	5	30	0	120	0	0		
2	201114001	Giáo dục quốc phòng-an ninh (*)	8	0	0	0	0	0		
3	111314006	Anh Văn 1	3	45	0	0	0	0		
4	111114008	Toán cao cấp 1	2	20	10	0	0	0		
5	121114015	Pháp luật đại cương	2	30	0	0	0	0		
6	170324067	Tin học ứng dụng	3	30	0	15	0	0		
7	180214001	Kinh tế vi mô	3	30	15	0	0	0		
8	140114002	Môi trường và con người	2	20	10	0	0	0		
9	121114010	Triết học Mac-Lênin	3	45	0	0	0	0		
Tổng			18	220	35	135	0	0		

Học kỳ 2:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
1	180214105	Nguyên lý kế toán	3	30	15	0	0	0		
2	121114011	Kinh tế chính trị Mac-Lênin	2	30	0	0	0	0		
3	111114009	Toán cao cấp 2	2	20	10	0	0	0	111114008	
4	111314002	Anh Văn 2	3	45	0	0	0	0	111314006	
5	180114001	Quản trị học	2	30	0	0	0	0		
6	180214002	Kinh tế vĩ mô	3	30	15	0	0	0	180214001	
7	180114050	Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình căn bản	2	20	10	0	0	0		
8	180314020	Nguyên lý thống kê kinh tế	2	20	10	0	0	0		

Chọn 02 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:

9	180114002	Tâm lý học quản trị	2	20	10	0	0	0		
10	140114004	Sinh thái học	2	30	0	0	0	0		
11	180114053	Tối ưu hóa trong kinh doanh	2	20	10	0	0	0		
Tổng			21	315	15	0	0	0		

Học kỳ 3:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
1	180314070	Anh văn chuyên ngành	2	25	5	0	0	0	111314002 111314006	
2	180214210	Kinh tế lượng	3	30	15	0	0	0	111114011	
3	121114012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	0	0	0		
4	111114011	Xác suất thống kê	2	20	10	0	0	0		
5	180214030	Tài chính - Tiền tệ	3	30	15	0	0	0	180214002	
6	180114051	Kỹ năng tư duy và lập kế hoạch	2	20	10	0	0	0		
7	121114013	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10	0	0	0		
Chọn 05 tín chỉ trong các học phần tự chọn:										
8	180114045	Quản trị dự án	3	30	15	0	0	0		
9	140114009	Sản xuất sạch hơn	2	25	5	0	0	0		
10	180314014	Du lịch sinh thái	2	30	0	0	0	0		
11	180314032	Phân tích dữ liệu môi trường	2	20	10	0	0	0		
Tổng			21	260	100	0	0	0		

Học kỳ 4:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
1	121114014	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	0	0	0	0		
2	180214021	Kế toán tài chính	3	30	15	0	0	0	180214105	
3	180314058	Kinh tế phát triển bền vững	3	30	15	0	0	0	180214002	
4	180314031	Kinh tế công	3	30	15	0	0	0	180214002	
5	180114136	Quản trị tài	3	30	15	0	0	0	180214030	

		chính								
Chọn 02 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:										
6	180214127	Phân tích định lượng	2	20	10	0	0	0		
7	180114052	Kỹ năng giao tiếp công sở	1	15	0	0	0	0		
8	180114079	Nguyên lý marketing	3	35	10	0	0	0		
Tổng			16	220	80	0	0	0		

Học kỳ 5:

T T	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
1	180214031	Thuế và chính sách thuế	3	30	15	0	0	0		
2	180214018	Phân tích lợi ích-chi phí	2	20	10	0	0	0		
3	180314121	Kinh tế quốc tế	3	30	15	0	0	0	180214002	
4	180314002	Kinh tế môi trường	3	30	15	0	0	0		
5	180214211	Kiểm toán môi trường	3	30	15	0	0	0		
6	180314122	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	0	0	0	0		
Chọn 02 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:										
7	180314041	Mô hình kinh tế	2	20	10	0	0	0	180314020	
8	180114007	Phân tích và dự báo kinh doanh	3	30	15	0	0	0	180114136	
9	180314049	Thống kê môi trường	2	20	10	0	0	0		
Tổng			18	240	105	0	0	0		

Học kỳ 6:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
1	180314004	Định giá tài nguyên môi trường	3	30	15	0	0	0	180214018	
2	180314005	Kinh tế tài nguyên đất	2	20	10	0	0	0		
3	180314035	Kinh tế tài nguyên nước	2	20	10	0	0	0		
4	180414023	Luật và chính sách tài nguyên môi trường	3	35	10	0	0	0		
5	180314039	Kinh tế ô nhiễm	2	20	10	0	0	0		
6	180314038	Kinh tế tài	2	20	10	0	0	0		

		nguyên thủy sản								
Chọn 04 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:										
7	180314050	Kinh tế biển và hải đảo	2	20	10	0	0	0		
8	140114003	Cơ sở khoa học môi trường	2	30	0	0	0	0		
9	180314044	Kinh tế xử lý chất thải	2	20	10	0	0	0		
10	180314063	Kinh tế nông nghiệp xanh	2	30	0	0	0	0		
11	180214038	Lập và thẩm định dự án đầu tư	2	20	10	0	0	0		
Tổng			18	235	95	0	0	0		

Học kỳ 7:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
1	140114026	Đánh giá tác động môi trường	2	30	0	0	0	0		
2	180314042	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	2	20	10	0	0	0		
3	180214040	Thẩm định giá	2	20	10	0	0	0	180314004	
4	180314046	Kinh tế năng lượng tái tạo	2	20	10	0	0	0		
Chọn 04 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:										
5	180314033	Đề án chuyên ngành kinh tế	2	0	0	0	30	0		
6	180314036	Kinh tế tài nguyên rừng	2	20	10	0	0	0		
7	180314043	Kinh tế biển đổi khí hậu	2	20	10	0	0	0		
8	180314123	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp-CSR	2	30	0	0	0	0		
9	180314045	Kinh tế khoáng sản	2	20	10	0	0	0		
Tổng			12	180	60	0	30	0		

Học kỳ 8:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				

1	180114037	Thực tập tốt nghiệp	4	0	0	0	360	0		
2	180114038	Khóa luận tốt nghiệp	8	0	0	0	480	0		
Tổng			12	0	0	0	840	0		

1) Chương trình ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên được xây dựng trên cơ sở tham khảo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Bộ giáo dục và Đào tạo và nhu cầu nhân lực thực tế, bao gồm 136 tín chỉ không bao gồm GDTC và QPAN.

2) Chương trình đào tạo được thực hiện theo kế hoạch giảng dạy của Nhà trường.

3) Sắp xếp nội dung và quỹ thời gian trên cơ sở chương trình đào tạo và cây môn học, với sự hướng dẫn của cố vấn học tập, sinh viên hoàn toàn chủ động trong việc xác định tiến trình học tập của bản thân.

4) Thực tập, kiến tập: Trong khóa học sinh viên được tham quan thực tế các doanh nghiệp, trước khi làm tốt nghiệp sinh viên được đi thực tập thực tế tại các doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh.

5) Phương pháp dạy, học: Kết hợp các phương pháp giảng dạy tích cực, tăng cường tính chủ động của sinh viên thông qua việc hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu tài liệu, nâng cao tính chủ động, sáng tạo trong quá trình dạy và học.

6) Kiểm tra, thi: Tùy theo từng môn học, ngoài việc đánh giá quá trình học tập trên lớp của các sinh viên do các giáo viên đánh giá, kết thúc môn học sinh viên sẽ được đánh giá thông qua một bài thi hết môn. Kết quả đánh giá là sự kết hợp của cả 2 hình thức: thi kết thúc môn và đánh giá quá trình của các giáo viên giảng dạy môn học.

7) Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần được thực hiện theo quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

8) Trưởng Khoa / Bộ môn Kinh tế chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội. Dựa trên đề cương chi tiết học phần, Khoa / Bộ môn Kinh tế đề xuất các điều kiện phục vụ cho công tác đào tạo về đội ngũ, trang thiết bị, quan hệ doanh nghiệp, thực tập,...

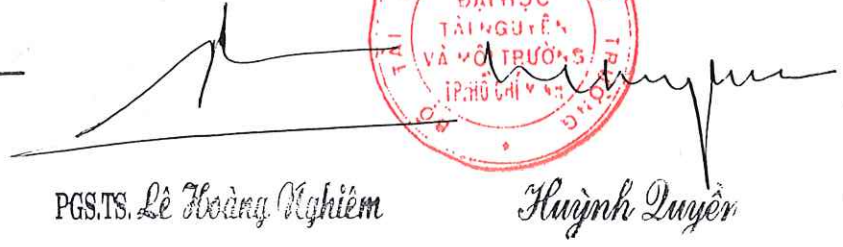
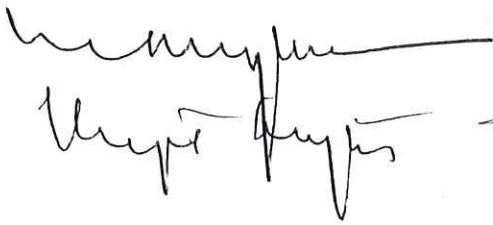
9) Chương trình đào tạo được rà soát cập nhật định kỳ theo quy định. Những thay đổi như cập nhật chính sách tuyển sinh, tài liệu giảng dạy học tập, cải tiến công tác giảng

dạy và đánh giá... được xem xét điều chỉnh thay đổi, thêm hoặc bỏ các học phần để đáp ứng các yêu cầu của các bên liên quan.

PT TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TRƯỜNG HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Lê Hoàng Nghiêm

Huyền Duyên